

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Quốc Tuấn

2/ Ông Bùi Mạnh Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 228/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27/8/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp VĐ, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Ông **Phạm Thanh V**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 3, xã LT, huyện X, tỉnh Long An.

Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông V tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện X, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74/2014 quyển số 01/2014. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2015, bà về sống ở nhà cha mẹ ruột. Bà và ông V đã ly thân từ đó cho đến nay không đoàn tụ được. Mọi quan hệ hôn nhân này không thể hàn gắn được, nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có 01 con tên Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 26/9/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và ông V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cháu Ngọc T sống chung với bà từ khi được sinh ra cho đến nay.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Phạm Thanh V trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà H, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do ông V vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh V. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm là từ bỏ quyền lợi của mình. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến, không có phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông V là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân về tiền bạc, con cái. Bà H và ông V đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Bà H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống khi cháu Ngọc Thảo 13 tháng tuổi. Bà H kiên quyết xin ly hôn với ông V. Từ khi vụ án được thụ lý cho đến nay, ông V vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần thể hiện ông V không có thiện chí và không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, nên yêu cầu xin ly hôn của bà H phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 26/9/2014 và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy, hiện nay cháu Ngọc T đang sống với bà H. Ông V không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con chung của bà H và để đảm bảo ổn định cuộc sống, tránh việc thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của cháu Ngọc T, nên yêu cầu được nuôi con chung của bà H có căn cứ chấp nhận.

Bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nên ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của luật hôn nhân và gia đình “...2. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:...*”. Về mức cấp dưỡng bà H yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Do đó, ông V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 11/2019.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông V được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc H đối với ông Phạm Thanh V.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với ông Phạm Thanh V.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc T, sinh 26/9/2014 cho bà Phạm Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Thanh V

phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 11/2019 cho đến khi Phạm Thị Ngọc T đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Phạm Thanh V được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí:

Bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004666, ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Phạm Thị Ngọc H không phải nộp thêm.

Ông Phạm Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4/ Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã LT;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Phượng